

Số: 2306/GPMT-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 23 tháng 10 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc ủy quyền tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính, kiểm tra, thẩm định hồ sơ về môi trường và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định 1635/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc bổ sung nội dung ủy quyền tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính, kiểm tra, thẩm định hồ sơ về môi trường và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 8782042877 chứng nhận lần đầu ngày 16/7/2014, chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 08/3/2018 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc cấp;

Căn cứ Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất ngói và sản xuất gạch Cotto của Công ty Cổ phần Prime Ngói Việt tại KCN Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Quyết định số 1889/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt điều chỉnh nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất ngói và sản xuất gạch Cotto của Công ty Cổ phần Prime Ngói Việt tại KCN Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Giấy xác nhận số 2030/GXN-STNMT ngày 31/7/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc cấp giấy xác nhận môi trường cho Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất ngói và sản xuất gạch Cotto của Công ty Cổ phần Prime Ngói Việt;

Xét đề nghị cấp giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Prime - Ngói

Việt tại Văn bản số 10/CV-NV ngày 06/10/2023 và hồ sơ kèm theo;

Căn cứ ý kiến thống nhất của Chủ tịch UBND tỉnh và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại Phiếu xin ý kiến ngày 13/10/2023 về việc cấp giấy phép môi trường của Nhà máy sản xuất ngói và sản xuất gạch Cotto của Công ty TNHH Cổ phần Prime - Ngói Việt tại KCN Bình Xuyên, thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 468/TTr-STNMT ngày 11/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Prime - Ngói Việt được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất ngói và sản xuất gạch Cotto", với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất ngói và sản xuất gạch Cotto

1.2. Địa điểm của cơ sở: KCN Bình Xuyên, thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 8782042877 chứng nhận lần đầu ngày 16 tháng 07 năm 2014, chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 08 tháng 03 năm 2018 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

1.4. Mã số thuế: 2500239985.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất ngói lợp và gạch Cotto. Cho thuê nhà xưởng dư thừa.

1.6. Phạm vi, quy mô của cơ sở:

* *Phạm vi:* KCN Bình Xuyên, thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

* *Quy mô sử dụng đất:* 116.958m²

* *Các hạng mục công trình:* Nhà xưởng nguyên liệu, Nhà xưởng cắt mài, Kho thành phẩm, Nhà xưởng sơ chế nguyên liệu + xưởng ngói, Nhà xưởng sản xuất chính + kho, Nhà điều hành; Hệ thống cấp nước; hệ thống thoát nước (bao gồm hệ thống thoát nước thải và hệ thống thoát nước mưa); hệ thống cấp điện; công trình xử lý chất thải,...

* *Quy mô sản xuất:*

+ Sản xuất ngói lợp: Công suất 2,2 triệu m² sản phẩm/năm.

+ Sản xuất gạch Cotto: Công suất 500.000 m² sản phẩm/năm.

+ Cho thuê văn phòng, nhà xưởng dư thừa: Diện tích 31.345m².

(Thời điểm hiện tại, dây chuyền sản xuất gạch Cotto đang dừng hoạt động)

Cơ sở có tổng mức đầu tư là 311.943.000.000 VNĐ, dự án nhóm B và thuộc Danh mục các dự án đầu tư nhóm II (số thứ tự 2, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Prime - Ngôi Việt có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; có biện pháp; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả thải chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường;

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Vĩnh Phúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn tới ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định trong Giấy phép môi trường, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày Giấy phép này có

hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT;
- CVP, các PCVP;
- Các sở, ngành: TN&MT, Xây dựng, Công Thương; Ban Quản lý các KCN;
- Công an tỉnh;
- UBND huyện Bình Xuyên;
- Cổng Thông tin điện tử Vĩnh Phúc (đăng tải);
- Công ty Cổ phần Prime - Ngói Việt;
- CV: CV1,2,3;
- Lưu: VT, NN1.

(H- 06 h)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vũ Chí Giang

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2306/GPMT-UBND ngày 23 / 10 / 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Hiện nay, Cơ sở phát sinh nước thải từ hoạt động sinh hoạt của CBCNV và nước thải từ hoạt động sản xuất.

- Đối với nước thải sản xuất: Được tuần hoàn tái sử dụng.

- Đối với nước thải sinh hoạt: Do Công ty Cổ phần Prime Tiên Phong chịu trách nhiệm xử lý. Toàn bộ lượng nước thải phát sinh sau khi được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn sẽ được Công ty Cổ phần Prime Tiên Phong tái sử dụng vào sản xuất.

Do vậy, theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường, Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

*** Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt:**

- Nước thải phát sinh tại khu vực nhà vệ sinh: Được dẫn theo đường ống nhựa PVC có đường kính $\Phi 150\text{mm}$ vào các bể tự hoại được xây dựng ngầm bên dưới khu nhà vệ sinh để xử lý sơ bộ.

- Nước thải phát sinh từ khu vực nhà bếp, khu vực rửa chân tay: Được dẫn theo đường ống nhựa PVC có đường kính $\Phi 150\text{mm}$ qua song chắn rác sau đó đưa vào bể tách dầu mỡ để tách dầu mỡ lẫn trong nước thải.

Sau khi xử lý sơ bộ, nước thải sinh hoạt sẽ được dẫn về các hệ thống xử lý tập trung của Công ty Cổ phần Prime Tiên Phong theo 02 tuyến:

+ Tuyến 01: Gồm các đường cống D110, D140 và D160 (độ dốc $i = 0.0025$) dẫn nước thải phát sinh từ Xưởng sản xuất + Bếp ăn + Xưởng nguyên liệu + Khu văn phòng của Cơ sở về HTXL công suất $135 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ của Công ty Cổ phần Prime Tiên Phong.

+ Tuyến 02: Gồm các đường cống D110 (độ dốc $i = 0.005$) dẫn nước thải phát sinh từ Kho thành phẩm của Cơ sở về HTXL công suất $15 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ của Công ty Cổ phần Prime Tiên Phong.

*** Mạng lưới thu gom nước thải sản xuất:**

Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn làm mát và gột rửa trạm khí than; từ phòng công nghệ + dây chuyền phun tráng men; từ quá trình dập bụi tháp sấy phun được thu gom bằng các đường ống công nghệ và rãnh xây về công trình xử lý. Sau đó, nước thải được tuần hoàn toàn bộ vào sản xuất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

*** Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:**

- Công trình xử lý sơ bộ nước thải từ nhà vệ sinh: 04 bể tự hoại, trong đó:
 - + Ở phân xưởng sản xuất: 01 bể tự hoại với thể tích 95m^3 .
 - + Ở phân xưởng nguyên liệu: 01 bể tự hoại với thể tích 9m^3 .
 - + Ở khu vực văn phòng: 01 bể tự hoại với thể tích 32m^3 .
 - + Ở khu vực kho thành phẩm: 01 bể tự hoại với thể tích: 32m^3 .
- Công trình xử lý sơ bộ nước thải từ nhà bếp: 01 bể tách dầu mỡ thể tích 18m^3
- Công trình xử lý nước thải tập trung: Do Công ty Cổ phần Prime Tiên Phong đầu tư xây dựng và vận hành.

*** Công trình xử lý nước thải sản xuất:**

- Công trình xử lý nước thải từ phòng công nghệ và vệ sinh sản phun tráng men:
 - + Quy mô: 02 bể lắng với thể tích $4\text{m}^3/\text{bể}$
 - + Công nghệ xử lý: Nước thải từ phòng công nghệ và vệ sinh sản phun tráng men → Bể lắng có thiết bị khuấy → Tái sử dụng vào trộn nguyên liệu xương trong dây chuyền sản xuất.
- Công trình xử lý nước thải từ quá trình dập bụi tháp sấy phun:
 - + Quy mô: Bể lắng thể tích 300m^3
 - + Công nghệ xử lý: Nước thải từ quá trình dập bụi tháp sấy phun → Bể lắng 4 ngăn → Tuần hoàn về công đoạn dập bụi tháp sấy phun.
- Công trình xử lý nước thải từ quá trình làm mát và dập bụi trạm khí hóa than:
 - + Quy mô:
 - Bể lọc: kích thước $1500\text{mm} \times 9000\text{mm} \times 8000\text{mm}$.
 - Bể gột rửa: kích thước $4000\text{mm} \times 10000\text{mm} \times 8000\text{mm}$.
 - Bể lắng: kích thước $4000\text{mm} \times 8000\text{mm} \times 5000\text{mm}$.
 - Bể tuần hoàn: kích thước $4000\text{mm} \times 26000\text{mm} \times 8000\text{mm}$.

+ Công nghệ xử lý: Nước thải từ tháp gột rửa và làm mát lò khí hóa than
→ Bể lọc → Bể gột rửa → Bể lắng → Bể tuần hoàn → Tuần hoàn sử dụng cho
tháp gột rửa và làm mát lò khí hóa than.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục nước thải theo quy định tại Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, tiến hành điều chỉnh công suất vận hành để giảm lượng nước thải phát sinh. Trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài hơn 01 ngày, dừng hoạt động sản xuất để khắc phục. Chỉ tiến hành sản xuất trở lại sau khi hệ thống xử lý nước thải được hoàn toàn khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Công ty Cổ phần Prime - Ngói Việt đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường Dự án xây dựng nhà máy sản xuất ngói và sản xuất gạch Cotto số 2030/GXN-STNMT ngày 31/07/2020. Theo quy định tại khoản 4, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ các hoạt động của cơ sở bảo đảm chất lượng để tuần hoàn, tái sử dụng vào sản xuất.

Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom và sử dụng tuần hoàn đối với nước thải sản xuất.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **2306/GPMT-UBND** ngày **23** / **10** /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Các nguồn phát sinh bụi và khí thải tại Cơ sở gồm:

- Nguồn 1: Bụi phát sinh tại khu vực xưởng sản xuất và si lô liệu.
- Nguồn 2: Khí thải phát sinh từ các lò sấy ngói mộc, lò sấy trước nung và lò nung ngói.
- Nguồn 3: Bụi phát sinh từ khu vực trạm than và lò hơi tăng sôi
- Nguồn 4: Bụi và khí thải phát sinh từ tháp sấy phun.

2. Dòng khí thải, lưu lượng, vị trí và phương thức xả khí thải

2.1. Dòng khí thải và lưu lượng xả khí thải

Hiện nay, tại Cơ sở có 16 ống khói và ống thoát khí, bao gồm:

- 14 ống khói tại khu vực lò sấy nung, trong đó: 11 ống khói thoát khí ra ngoài môi trường; 01 ống khói cuối lò nung lấy khí tự nhiên để làm mát nên không thoát khí; 02 ống khói tận dụng lại để tuần hoàn cho lò sấy trước nung nên không thoát khí.
- 01 ống khói tại khu vực xử lý khí thải tháp sấy phun.
- 01 ống thoát khí tại hệ thống xử lý bụi khu vực nhà xưởng.

Do vậy, Cơ sở có 13 dòng khí thải (13 ống khói và ống thoát khí) xả ra môi trường với tổng lưu lượng xả khí thải là **354.577 m³/giờ**. Cụ thể:

Bộ phận	Số lượng	Dòng khí thải	Lưu lượng thoát khí (m ³ /h)	Tọa độ điểm xả thải (Hệ tọa độ VN-2000)	
				X	Y
Ống khói tại lò sấy ngói mộc	3	Ống khói 1	15.000	2351914	0568952
		Ống khói 2	18.000	2351937	0568953
		Ống khói 3	32.970	2351851	0568913
Ống khói tại lò sấy trước nung	2	Ống khói 1	32.960	2351912	0568929
		Ống khói 2	15.000	2351912	0568924
Ống khói tại các lò nung	6	Ống khói 1	22.000	2351905	0568952
		Ống khói 2	28.000	2351896	0568936
		Ống khói 3	19.207	2351849	0568953

		Ống khói 4	19.207	2351840	0568979
		Ống khói 5	16.527	2351827	0568987
		Ống khói 6	12.206	2351834	0568967
Ống khói tại khu vực xử lý khí thải tháp sấy phun	1	Ống khói 1	85.000	2352087	0569126
Ống thoát khí tại hệ thống xử lý bụi khu vực nhà xưởng	1	Ống thoát khí 1	38.500	2351910	0569007
Tổng	13		354.577		

2.2. Vị trí xả khí thải: KCN Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.3. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói, xả gián đoạn.

2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

- Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm từ các ống khói thoát khí thải:

Giá trị giới hạn tối đa cho phép của các chất ô nhiễm từ ống khói thoát khí thải của lò sấy, lò nung và tháp sấy phun được xác định theo QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, hệ số $K_p=0,8$, $K_v=0,8$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	128	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Lưu lượng	m ³ /h	-		
3	CO	mg/Nm ³	640		
4	SO ₂	mg/Nm ³	320		
5	NO _x	mg/Nm ³	544		
6	Nhiệt độ	°C	-		

- Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm từ ống thoát khí tại hệ thống xử lý bụi khu vực nhà xưởng:

Giá trị giới hạn tối đa cho phép của các thông số từ ống thoát khí tại hệ thống xử lý bụi khu vực nhà xưởng được xác định theo QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, hệ số $K_p=0,8$, $K_v=0,8$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	128	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Lưu lượng	m ³ /h	-		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

* Đối với thiết bị lọc bụi khu vực nhà xưởng:

- Quy mô, công suất: 55kW.
- Tổng lưu lượng: 38.500 m³/h
- Công nghệ xử lý: Chụp hút bụi → Nhà lọc bụi bằng Cyclon → Ống thoát khí ra môi trường.

* Đối với thiết bị thoát khí thải tại các lò sấy, lò nung:

- Số lượng: 11 ống khói thoát khí
- Tổng lưu lượng thoát khí: 231.077 m³/h
- Công nghệ xử lý:
 - + Khí thải từ lò sấy gói mộc → ống thoát khí ra môi trường.
 - + Khí thải từ lò sấy trước nung → ống thoát khí ra môi trường.
 - + Khí thải từ lò nung → một phần được thu hồi về lò sấy trước nung → lượng còn lại theo ống thoát khí ra môi trường.

* Đối với thiết bị xử lý bụi và khí thải từ tháp sấy phun:

- Quy mô công suất: 85.000 m³/h
- Công nghệ xử lý: Bụi và khí thải từ tháp sấy phun → 2 Cyclon lọc bụi → Nhà lọc bụi → thoát ra môi trường qua ống khói.

* Đối với thiết bị xử lý bụi từ lò tầng sôi:

- Quy mô công suất: 24.000 m³/h
- Công nghệ xử lý: Lò tầng sôi → Cyclon lọc bụi → Khí than thành phẩm → Cấp cho tháp sấy phun.

* Đối với thiết bị xử lý bụi từ lò khí hóa than (06 lò khí hóa than, trong đó 05 lò hoạt động thường xuyên và 01 lò dự phòng):

- Quy mô công suất: 40.944 m³/h
- Công nghệ xử lý: Khí than → Cyclon lọc bụi → Tháp trao đổi nhiệt → Tháp gột rửa → Tháp lọc bụi tĩnh điện → Bình thủy phong → Khí than thành phẩm → Cấp cho lò sấy, nung.

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục khí thải theo quy định tại Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên nạo vét các bể xử lý. Định kỳ tiến hành bảo dưỡng thiết bị, thay thế các thiết bị hỏng hóc.

- Trường hợp xảy ra sự cố, dừng hoạt động của thiết bị có liên quan để kiểm tra, sửa chữa. Trường hợp hỏng, tiến hành thay thế, bổ sung trước khi đưa hệ thống hoạt động trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Công ty Cổ phần Prime - Ngói Việt đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường Dự án xây dựng nhà máy sản xuất ngói và sản xuất gạch Cotto. Theo quy định tại khoản 4, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kp = 0,8 và Kv = 0,8) trước khi xả môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.



PHỤ LỤC 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **2306/GPMT-UBND** ngày **23 / 10 / 2023**
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Trong quá trình hoạt động, tiếng ồn và độ rung chủ yếu phát sinh từ hoạt động của các dây chuyền sản xuất.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

TT	Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	Tọa độ (Hệ tọa độ VN-2000)	
		X	Y
1	Xưởng cơ điện	0569001	2351825
2	Khu vực ép ngói	0568945	2351910
3	Khu vực tráng men	0568892	2351929
4	Khu vực dây chuyền nung	0568881	2351918
5	Xưởng nhiên liệu	0568682	2351899
6	Khu vực lò tầng sôi	0569090	2352039
7	Khu vực sàng quay	0569144	2352073
8	Khu vực quả nghiền	0569159	2352031
9	Khu vực Robot đóng gói tự động	0569006	2351853
10	Khu vực phân loại	0569042	2351883
11	Khu vực máy nén khí	0568899	2351898

3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

❖ Tiếng ồn:

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt
2	70	55	-	Khu vực thông thường

❖ Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt

2	70	60	-	Khu vực thông thường
---	----	----	---	----------------------

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công trình biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Lựa chọn các thiết bị tiên tiến, hiện đại, có độ ồn thấp; các thiết bị có cường độ âm lớn được trang bị bộ phận tiêu âm; trang bị cho công nhân thiết bị chống ồn khi làm việc tại các công đoạn có phát sinh tiếng ồn cao,...

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lựa chọn các thiết bị tiên tiến, hiện đại, có độ rung thấp; lắp đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn; thường xuyên kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc,...

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép.

- Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

STT	15-45 giờ (đêm)	15-30 giờ (ngày)	Tên và địa điểm	Chỉ số
1	25	35	Khu vực dân cư	
2	70	25	Khu vực công nghiệp	

STT	15-30 giờ (ngày)	15-45 giờ (đêm)	Tên và địa điểm	Chỉ số
1	60	25	Khu vực dân cư	



PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2306 /GPMT-UBND ngày 23 / 10 /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại CTNH phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Trạng thái tồn tại
1	Giẻ lau dính dầu	18 02 01	590	Rắn
2	Dầu động cơ thải	17 02 04	780	Lỏng
3	Dầu thủy lực thải	17 01 07	400	Lỏng
4	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	676	Rắn
5	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	220	Rắn
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	65	Rắn
7	Ắc quy thải	19 06 01	660	Rắn
8	Bông thủy tinh thải	19 11 03	3150	Rắn
9	Đầu mẫu que hàn	07 04 01	29	Rắn
Tổng số lượng			6.570	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phát sinh thường xuyên: 10.958.230 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 13 m³/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Sử dụng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, có nắp đậy, có khả năng chống được sự ăn mòn, không bị gỉ, không phản ứng hoá học với CTNH chứa bên trong. Trên thiết bị lưu chứa chuyên dụng được dán tên, mã số của từng loại CTNH và dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707:2009, được in rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu.

- Khu vực lưu giữ tạm thời: Chủ đầu tư đã xây dựng hoàn thiện khu vực lưu giữ tạm thời CTNH với diện tích khoảng 54,89m².

+ Kết cấu: Tường xây gạch trát VXM, nền BTXM phân chia thành các ngăn riêng rẽ: Ngăn chứa giẻ lau dính dầu; ngăn chứa vỏ thùng sơn; ngăn chứa

bóng đèn huỳnh quang; ngăn chứa thùng phuy; ngăn chứa dầu thải.

+ Trang bị thùng rác dung tích 50 - 80 lít chuyên dụng và bao bì nilon để thu gom các loại CTNH khác nhau.

+ Trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy cho khu lưu giữ CTNH theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

+ Có biển dấu hiệu cảnh báo theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707:2009 về chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa, với kích thước 30 cm mỗi chiều.

Ngoài kho chứa trang bị biển báo và trang thiết bị PCCC, vật liệu xây dựng bằng bê tông, sàn kho không thấm chất lỏng; có hệ thống thu gom chất thải trong trường hợp có sự cố rò rỉ (rãnh thu và hố thu gom).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Đối với ngói thành phẩm lỗi, hỏng: Được thu gom và lưu giữ ngay tại xưởng sản xuất. Sau đó, Chủ cơ sở chuyển giao cho các đơn vị trong cùng Tập đoàn Prime Group để tận dụng làm nguyên liệu đầu vào sản xuất.

- Đối với bột đất từ hệ thống lọc bụi xưởng sản xuất được Công ty thu gom và tái sử dụng cho công đoạn trộn nguyên liệu của dây chuyền sản xuất.

- Đối với bụi thải phát sinh từ hệ thống xử lý bụi, khí thải: Được thu gom vào các thùng chứa để tận dụng làm nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất.

- Đối với than bùn từ quá trình đập bụi, gột rửa trạm khí hóa than: Được định kỳ nạo vét rồi ép khô để tái sử dụng lại làm nhiên liệu đốt cho lò tầng sôi.

- Đối với sản phẩm thô không đạt yêu cầu (*hồ liệu, sản phẩm mộc từ công đoạn ép*): Được Chủ cơ sở nghiền nhỏ và tái sử dụng vào quá trình sản xuất.

+ Đối với nguyên liệu rơi vãi, cặn lắng từ quá trình nạo vét bể chứa nước của hệ thống xử lý bụi, khí thải: Được Chủ cơ sở thu gom và tái sử dụng vào công đoạn phối trộn nguyên liệu tại dây chuyền sản xuất.

+ Đối với tro xỉ than: Công ty lưu giữ tại khu vực kho chứa nguyên liệu có diện tích 89,32m² với chiều dài 11m và chiều rộng 8,12m.

- Đối với các loại chất thải công nghiệp thông thường khác (*con lăn, kính, cao su, dây dù,...*): Thu gom vào khu vực lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường có diện tích 29,4 m².

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa:

+ Đối với các đơn vị trong các phân xưởng, khu văn phòng làm việc, nhà vệ sinh,...: Bố trí các thùng chứa rác có kích thước: 80L.

+ Tại khu vực nhà ăn: Bố trí thùng rác có kích thước: 120L.

- + Tại khuôn viên sân, đường: Bố trí thùng rác có kích thước 80L.
- + Sử dụng các túi nilon để phân loại chất thải.
- Khu vực lưu giữ tạm thời: Toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt phát sinh sẽ được thu gom hàng ngày vào khu vực lưu giữ có tổng diện tích 9,8 m².

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Công trình phòng cháy, chữa cháy: Hoàn thiện các công trình, thiết bị PCCC theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất; sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải...

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã nêu trong báo cáo. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

